

Bản án số: 71/2020/HSST

Ngày: 21-04-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Thẩm phán: Ông Vũ Văn Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực

2. Ông Nguyễn Tùng

3. Ông Trần Văn Triều

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Trung Hiếu - Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 04 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 108/2020/TLST-HS, ngày 03/3/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1581/2020/QĐXXST-HS ngày 31/03/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D (tên gọi khác: không có); giới tính: nam; sinh năm: 1965, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 193 NTH, Phường Q, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); Gia đình có 02 anh chị, em (lớn sinh năm 1962, nhỏ sinh năm 1969); Bị cáo sống chung như vợ chồng với Cao Thị Thu S và có một con chung là Cao Thị Thùy T, sinh năm 1997 (hiện không rõ địa chỉ vợ và con ở đâu); Tiền sự: Không;

- Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án gồm:

+ Theo bản án số 2574/HSST ngày 09/12/1998 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 06 năm tù về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”, tổng hợp hình phạt là 11 năm tù, đến ngày 15/12/2007 bị cáo D đã chấp hành xong bản án trên;

+ Theo bản án số 187/HSST ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến 21/11/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, song bị cáo D chưa thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm và khoản tiền phạt nộp sung công quỹ nhà nước.

- Về nhân thân: Theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TA, ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 24 tháng, đến 17/01/2017 chấp hành xong biện pháp.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 22/7/2019. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D:* Ông Đỗ Ngọc O, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc O, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Hùng S - sinh năm: 1986;

Địa chỉ: 193 NTH (số cũ 424/98 NDC), Phường Q, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 13 giờ 10 phút, ngày 22/7/2019, tại trước nhà số C3/5 PH, thuộc ấp 4, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn D đang điều khiển xe gắn máy biển số 59F1-784.85 có hành vi cất giấu ma túy nhằm mục đích để bán. Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra thu giữ trên бага xe gắn máy 01 gói nylon bên trong có chứa 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 414,80 gam, loại Methamphetamine (MA), nên đưa D cùng tang vật về Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra còn thu giữ của D 01 xe gắn máy biển số 59F1- 784.85 và 02 điện thoại di động.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn D tại 193 NTH, Phường Q, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh và thu giữ tại nền nhà trong phòng của D trên gác 01 hộp giấy bên trong chứa 14 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 163,0126 gam, loại Methamphetamine; Thu giữ trong tủ quần áo của D 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 274,75 gam, loại Methamphetamine. Ngoài ra còn thu giữ của D 01 cân điện tử, 02 cây kéo bằng kim loại, 03 ông thủy tinh và 05 bịch nylon bên trong không chứa gì.

Số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn D đã được giám định theo bản Kết luận giám định số 1481/KLGD-H ngày 29/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn D khai nhận: Bản thân hoạt động mua bán trái phép chất ma túy được khoảng 02 tháng. Nguồn ma túy D bán cho người nghiện là mua của một người tên Tuấn (không rõ lai lịch) tại khu vực quận 4 và một người tên Chảy (không rõ lai lịch) tại khu vực Quận 7 đem về trộn chung với nhau để bán cho người nghiện thu lời. Cụ thể:

Khoảng 01 tháng trước khi bị bắt, D liên hệ với Tuấn để mua 01 kg ma túy đá kém chất lượng với giá là 15.000.000 đồng và cách 08 ngày trước khi bị bắt, D liên hệ với Chảy để mua của Chảy 02 lạng ma túy với giá 64.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, D trộn ma túy đá kém chất lượng mua của Tuấn vào ma túy mua của Chảy rồi cất giấu tại chỗ ở, chờ khách hỏi mua thì bán. Người nghiện liên hệ mua ma túy từ D thông qua số điện thoại 0933363736. Tùy vào số tiền người nghiện đặt mua nhiều hay ít thì D sẽ trộn thêm ma túy đá kém chất lượng để bán thu lời. D đã bán ma túy cho người tên Út (không rõ lai lịch) được 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Út liên hệ D mua 02 hộp 10 gam (khoảng 20 gam) ma túy đá, D báo giá 7.000.000 đồng và Út đồng ý mua, đồng thời hẹn địa điểm giao ma túy ngoài đường.

- Lần thứ 02: Vào khoảng 12 giờ, ngày 22/7/2019, Út liên hệ D mua 02 lạng (khoảng 200 gam) ma túy đá, D báo giá là 60.000.000 đồng thì Út đồng ý mua. Sau đó, D lấy 03 gói nylon chứa ma túy đã trộn sẵn được cất tại phòng và điều khiển xe gắn máy biển số 59F1-784.85 định tìm thuê khách sạn để chia lại cho đúng với số ma túy mà Út đặt mua nhưng chưa kịp thực hiện thì bị bắt quả tang như đã nêu trên.

Ngoài ra, D còn bán ma túy cho 04 người khác nhau (đều không rõ lai lịch) với giá từ 1.700.000 đồng đến 3.500.000 đồng (khối lượng từ 2,5 đến 10 gam) ma túy đá.

* Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh) đã thu giữ, gồm có:

- 03 gói niêm phong số 1481/19 (gói 1, 2, 3) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình Hải và Cán bộ điều tra Nguyễn Hữu Phúc, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 355776100225990 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 356446/08/541335/4 mà bị cáo D dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy;

- 01 cân điện tử hiệu Electronic Balance; 05 bịch nylon bên trong không có gì; 02 cây kéo bằng kim loại; 03 ông thủy tinh sử dụng ma túy;

- 01 xe gắn máy biển số 59F1- 784.85, hiệu Air Blade, số khung RLHJF6300FZ337421, số máy JF63E-1337467, qua xác minh do ông Nguyễn Hùng S (sinh năm 1986, Hộ khẩu thường trú 193 NTH, Phường Q, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 22/7/2019, ông Sen cho Nguyễn Văn D (chú ruột của Sen) mượn xe gắn máy trên để đi công việc và không biết bị cáo D sử dụng xe gắn máy làm phương tiện mua bán ma túy. Ngày 15/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Hùng S.

Tại bản Cáo trạng số 526/CT-VKS-P1 ngày 27/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D Tử hình. Đồng thời, áp dụng hình phạt bổ sung buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp số tiền là 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn D không tranh luận về tội danh, nhưng về mức hình phạt thì bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo chỉ mua bán số ma túy khoảng 550 gam, còn lại là ma túy giả.

Tại phiên tòa, luật sư Đỗ Ngọc O bào chữa cho bị cáo phát biểu: Luật sư đồng ý với bản Cáo trạng về việc truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với số lượng ma túy bị cáo mua bán qua giám định là 852,5626 gam, loại Methamphetamine, theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Song, mức án tử hình mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, vì số ma túy bị cáo mua để bán, phần

lớn chưa phát tán ra ngoài xã hội nên phần nào đã hạn chế được tác hại, khi bị bắt bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, về hoàn cảnh gia đình bị cáo khai có sống chung với Cao Thị Thu Sương và có một con chung là Cao Thị Thùy Trang, sinh năm 1997, theo bị cáo cho biết là con gái đã bị bán sang Trung Quốc, bị cáo cần số tiền 150.000.000 đồng để chuộc con gái về nước nên bị cáo mới phải mua bán ma túy. Từ đó cho thấy bị cáo vẫn có thể cải tạo để trở thành người lương thiện được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử bị cáo mức án chung thân để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, cũng đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Qua nội dung đối đáp, luật sư và đại diện Viện kiểm sát đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày và cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng theo các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi mua bán ma túy như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu trên và xin được hưởng mức án nhẹ, vì bị cáo chỉ mua bán số ma túy khoảng 550 gam, còn lại là ma túy giả. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong; biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định; kết luận giám định; lời khai người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định như sau:

Vì mục đích vụ lợi, nên vào khoảng 13 giờ 10 phút, ngày 22/7/2019, Nguyễn Văn D bị bắt quả tang đang thực hiện hành vi cất giấu ma túy để bán cho đối tượng nghiện để kiếm lời, qua kiểm tra thu giữ trên бага xe gắn máy biển số 59F1-784.85 một gói nylon bên trong có chứa 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 414,80 gam, loại Methamphetamine (MA). Qua khám xét nơi ở của Nguyễn Văn D tại 193 NTH, Phường Q, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh và thu giữ tại nền nhà trong phòng của D trên gác có 01 hộp giấy bên trong chứa 14 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 163,0126 gam, loại Methamphetamine; Thu giữ trong tủ quần áo của D 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 274,75 gam, loại Methamphetamine. Như vậy, tổng khối lượng ma túy ở thể rắn đã thu

giữ của bị cáo D qua giám định là 852,5626 gam, loại Methamphetamine, không có ma túy giả như bị cáo đã khai. Mặt khác, số ma túy này cũng không thuộc trường hợp phải giám định để xác định hàm lượng.

[2] Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn D đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạm tội thuộc trường hợp Methamphetamine có khối lượng từ 100 gam trở lên, nên tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn D được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi này là một trong những nguyên nhân dẫn đến làm tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội mới đặc biệt nghiêm trọng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra bị cáo khai báo thành khẩn toàn bộ nội dung vụ án và có thái độ ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đây là tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xem xét có thể giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, về nhân thân thì bị cáo đã bị hai lần tòa án xét xử về “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nhưng vẫn không cải sửa, tu chí làm ăn mà lại cố tình phạm tội mới đặc biệt nghiêm trọng với số lượng ma túy bị cáo mua, bán trái phép là 852,5626 gam, loại Methamphetamine. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn D là không thể có khả năng cải tạo được, nên cần thiết phải xử bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi, tội lỗi mà bị cáo Nguyễn Văn D đã gây ra và buộc phải loại bỏ vĩnh viễn bị cáo Nguyễn Văn D ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 vì bị cáo Nguyễn Văn D có hành vi mua bán ma túy và đã thu lợi bất chính, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và buộc bị cáo phải nộp số tiền 20.000.000 đồng, để sung công quỹ nhà nước.

[4] Đối với các đối tượng tên Cháy, Út là những người bán và đặt mua ma túy của D, do Nguyễn Văn D khai không rõ lai lịch của các đối tượng trên, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, làm rõ để xử lý. Hội đồng xét xử yêu cầu tiếp tục điều tra làm rõ các đối tượng này để xử lý theo các quy định của pháp luật, để tránh bỏ lọt người phạm tội.

Đối với đối tượng tên Tuấn là người bán ma túy của D, tại phiên tòa bị cáo khai Tuấn là người cùng chấp hành án với bị cáo tại Trại giam Thủ Đức và Tuấn được ra tù trước D vào khoảng năm 2003, còn nhân thân cụ thể của Tuấn thì bị cáo không biết. Qua xác minh thì vào năm 2003 có 21 trường hợp phạm nhân tên Tuấn chấp hành án tại trại giam Thủ Đức ra tù và không có đối tượng tên Tuấn nào có đặc điểm như lời khai của bị cáo, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, làm rõ để xử lý. Hội đồng xét xử yêu cầu tiếp tục điều tra làm rõ các đối tượng này để xử lý theo các quy định của pháp luật, để tránh bỏ lọt người phạm tội.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, cũng như mức hình phạt chính và hình phạt bổ sung mà đại diện viện kiểm sát đã đề nghị là có cơ sở để chấp nhận.

Về lời trình bày của luật sư Đỗ Ngọc O tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức án chung thân cho bị cáo, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận vì bị cáo có nhân thân xấu lại tái phạm nguy hiểm.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét xử thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và đã trả lời khiếu nại của bị cáo đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, luật sư bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; luật sư, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Các vấn đề khác:

7.1/ Về vật chứng của vụ án:

- 03 gói niêm phong số 1481/19 (gói 1, 2, 3) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình Hải và Cán bộ điều tra Nguyễn Hữu Phúc, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 05 bịch nylon bên trong không có gì; 02 cây kéo bằng kim loại; 03 ống thủy tinh sử dụng ma túy. Xét thấy các vật chứng này đều không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 355776100225990 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 356446/08/541335/4 mà bị cáo D dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy; 01 cân điện tử hiệu Electronic Balance. Xét thấy đây là các phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- 01 xe gắn máy biển số 59F1- 784.85, hiệu Air Blade, số khung RLHJF6300FZ337421, số máy JF63E-1337467, qua xác minh do ông Nguyễn Hùng S (sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: 193 NTH, Phường Q, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 22/7/2019, ông Sen cho Nguyễn Văn D (là chú ruột của Sen) mượn xe gắn máy trên để đi công việc và không biết bị cáo D sử dụng xe gắn máy làm phương tiện mua bán ma túy. Ngày 15/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Hùng S. Hội đồng xét xử thấy việc xử lý của Cơ quan điều tra là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên không xem xét và đề cập đến.

7.2/ *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

7.3/ *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D: Tử hình**, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

2/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 gói niêm phong số 1481/19 (gói 1, 2, 3) có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu Phúc, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 05 bịch nylon bên trong không có gì; 02 cây kéo bằng kim loại; 03 ống thủy tinh sử dụng ma túy;

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 355776100225990 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 356446/08/541335/4; 01 cân điện tử hiệu Electronic Balance.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 101/20 ngày 03/12/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 332; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 04 năm 2020) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn D không kháng cáo và không bị kháng nghị thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Văn D có quyền làm đơn xin Chủ tịch nước ân giảm hình phạt tử hình cho mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo về quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người CQLNVLQ; (1)
- Luật sư; (1)
- THAHS; (1)
- P. PC 53 - CA TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (21) (6)

Đặng Hồng Sơn